

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 29

011
CÔ
T
KIẾ
QU
VH X

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này gồm:

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Phan Văn Thành	Chủ tịch
Ông Dương Chí Bình	Thành viên
Ông Phạm Xuân Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Thanh	Thành viên
Ông Phan Hữu Bằng	Thành viên
Ông Lê Vũ Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dương	Thành viên
Ông Trần Duy Hà	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Chí Bình	Giám đốc
Ông Phạm Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thanh	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

77
V
N
M
J
A

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,




Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 22 tháng 03 năm 2022

12/3
H
TC

Số: 032201/2022/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty") được lập Ngày 22 tháng 03 năm 2022 từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhân manh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số II. "Cơ sở lập báo cáo tài chính và năm tài chính" trong báo cáo tài chính tổng hợp về việc tổng nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 30.450.639.298 đồng. Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 21.406.331.524 đồng. Những điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số II. "Cơ sở lập báo cáo tài chính và năm tài chính" cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính tổng hợp không liên quan đến vấn đề này.




Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022



Hoàng Văn Phúc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.635.280.171	33.872.906.450
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.608.729.304	5.775.257.312
1. Tiền	111		1.608.729.304	5.775.257.312
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.622.942.165	14.801.528.609
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.476.374.969	7.508.244.289
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		173.557.000	608.784.006
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.378.943.135	8.653.637.996
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.405.932.939)	(1.969.137.682)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	12.401.627.946	12.269.676.481
1. Hàng tồn kho	141		12.436.321.744	12.498.837.882
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.693.798)	(229.161.401)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.980.756	26.444.048
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13.a	1.980.756	26.444.048
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		225.544.825.250	220.931.378.958
I. Tài sản cố định	220		100.281.293.772	76.046.115.531
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	100.281.293.772	76.046.115.531
- Nguyên giá	222		208.060.293.723	182.917.471.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.778.999.951)	(106.871.356.255)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		41.716.321.243	61.820.538.501
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	41.716.321.243	61.820.538.501
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		81.840.000.000	81.840.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	81.840.000.000	81.840.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.707.210.235	1.224.724.926
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.707.210.235	1.224.724.926
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		266.180.105.421	254.804.285.408

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		74.288.614.696	78.653.701.390
I. Nợ ngắn hạn	310		71.085.919.469	78.361.701.390
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	6.588.175.397	8.319.925.002
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.478.012.830	2.441.769.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13b	232.067.714	249.396.994
4. Phải trả người lao động	314		6.394.631.684	5.572.840.728
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		164.298.185	196.212.076
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	6.165.878.674	12.586.269.974
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	46.792.529.697	52.394.136.467
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.270.325.288	(3.398.849.681)
II. Nợ dài hạn	330		3.202.695.227	292.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	292.000.000	292.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	2.910.695.227	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		191.891.490.725	176.150.584.018
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	191.211.490.725	175.470.584.018
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.817.910.000	170.817.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.817.910.000	170.817.910.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		232.634.000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.160.946.725	4.652.674.018
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	(940.114.188)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		20.160.946.725	5.592.788.206
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		680.000.000	680.000.000
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		680.000.000	680.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		266.180.105.421	254.804.285.408



Phan Hữu Bằng
 Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
 Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 22 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	51.024.695.976	36.932.447.074
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		51.024.695.976	36.932.447.074
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	48.525.933.044	33.779.712.270
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.498.762.932	3.152.734.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	40.797.059.072	19.550.941.767
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.215.818.532	4.754.524.538
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.130.794.373	4.271.150.583
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	379.569.790	459.500.114
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.057.516.820	12.995.444.085
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.642.916.862	4.494.207.834
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.018.134.162	1.939.905.732
12. Chi phí khác	32	VI.8	500.104.299	841.325.360
13. Lợi nhuận khác	40		1.518.029.863	1.098.580.372
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.160.946.725	5.592.788.206
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.160.946.725	5.592.788.206
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.180	169
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.180	169



Phan Hữu Bằng
Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 22 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24.160.946.725	5.592.788.206
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.699.868.604	5.818.243.628
Các khoản dự phòng	03	3.242.327.654	867.536.544
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(40.534.720.824)	(19.550.941.767)
Chi phí lãi vay	06	4.130.794.373	4.713.725.942
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	(2.300.783.468)	(2.558.647.447)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(5.408.304.520)	(6.316.835.051)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(903.213.515)	19.460.823
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(8.148.836.448)	3.040.944.189
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(482.485.309)	(56.953.831)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.162.708.264)	(4.643.699.232)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(21.406.331.524)	(10.515.730.549)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.574.691.615)	(7.276.672.238)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(1.000.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.166.085.674	19.550.941.767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	21.591.394.059	11.274.269.529
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	(2.550)
2. Tiền thu từ đi vay	33	65.490.964.138	78.732.550.319
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(68.181.875.681)	(74.671.557.880)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.660.679.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.351.590.543)	4.060.989.889
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4.166.528.008)	4.819.528.869
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.775.257.312	955.728.443
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.608.729.304	5.775.257.312



Phan Hữu Bằng
 Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
 Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 22 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 11 năm 2020. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su;
- Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình có trụ sở chính tại Tiểu khu Hữu Nghị, Thị trấn Nông trường Việt Trung, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chăn nuôi trâu, bò. Tại ngày kết thúc năm tài chính tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 27,28%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có một đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý, địa chỉ tại TK 7, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Quảng Bình.

6. Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 446 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 440 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản ngắn hạn của Công ty là 40.635.280.171 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 71.085.919.469 đồng, theo đó nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 30.450.639.298 đồng. Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 21.406.331.524 đồng.

Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai cũng như việc được tái cơ cấu các khoản nợ vay ngân hàng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc đã lập dòng tiền kế hoạch và kế hoạch lợi nhuận trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh và cổ tức dự kiến thu về từ công ty liên kết. Theo đó, lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Công ty trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động]. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	Năm 2021
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	06 - 40 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

12/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	154.190.579	768.081.283
Tiền gửi ngân hàng	1.454.538.725	5.007.176.029
Cộng	1.608.729.304	5.775.257.312

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000

Khoản đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình. Số lượng 10.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Kỳ hạn: 8 năm, lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + Biên độ 0,9%/năm. Ngày phát hành: 30/07/2020. Ngày đáo hạn 30/07/2028.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần TAMICO	10.349.019.000	5.257.319.000
Công ty Cổ phần HD Furniture Group	1.575.963.300	866.897.900
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	1.551.392.669	1.384.027.389
Cộng	13.476.374.969	7.508.244.289

4. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tạm ứng	134.236.741	355.302.155
Phải thu khác	17.244.706.394	8.298.335.841
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu người lao động</i>	<i>1.588.525.519</i>	<i>1.592.694.940</i>
<i>Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>14.086.973.398</i>	<i>5.456.000.000</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.569.207.477</i>	<i>1.249.640.901</i>
Cộng	17.378.943.135	8.653.637.996
Trong đó phải thu khác là bên liên quan	14.086.973.398	5.456.000.000

(Chi tiết xem thuyết minh VIII.2 - Bên liên quan)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND		VND	VND	
Phải thu ngắn hạn khách hàng	10.530.334.000	7.720.359.500	2.809.974.500	5.438.634.000	5.257.319.000	181.315.000
Ủy ban xã Vạn Trạch	60.500.000	-	60.500.000	60.500.000	-	60.500.000
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Cao Nguyên	115.015.000	-	115.015.000	115.015.000	-	115.015.000
Đối tượng khác	5.800.000	-	5.800.000	5.800.000	-	5.800.000
Công ty Cổ phần TAMICO	10.349.019.000	7.720.359.500	2.628.659.500	5.257.319.000	5.257.319.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.957.432.163	361.473.724	2.595.958.439	2.589.142.125	801.319.443	1.787.822.682
Nguyễn Thị Phương	65.969.581	-	65.969.581	65.969.581	19.790.874	46.178.707
Phan Thị Vân	60.877.129	-	60.877.129	60.877.129	18.263.139	42.613.990
Đối tượng khác	2.830.585.453	361.473.724	2.469.111.729	2.462.295.415	763.265.430	1.699.029.985
Cộng	13.487.766.163	8.081.833.224	5.405.932.939	8.027.776.125	6.058.638.443	1.969.137.682

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.555.285.309	-	1.318.640.456	-
Công cụ, dụng cụ	164.666.135	-	155.083.007	-
Chi phí SXKD dở dang	9.965.283.668	-	10.047.232.709	-
Thành phẩm	735.387.542	20.003.798	955.169.893	229.161.401
Hàng hóa	15.699.090	14.690.000	22.711.817	-
Cộng	12.436.321.744	34.693.798	12.498.837.882	229.161.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số đầu năm	101.545.923.312	17.298.453.642	5.167.481.782	1.807.652.327	55.114.411.272	1.983.549.451	182.917.471.786
Mua trong năm	-	2.684.208.091	-	-	-	-	2.684.208.091
Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.533.167.273	-	-	-	25.980.009.729	-	28.513.177.002
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(6.054.563.156)	-	(6.054.563.156)
Số cuối năm	104.079.090.585	19.982.661.733	5.167.481.782	1.807.652.327	75.039.857.845	1.983.549.451	208.060.293.723
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số đầu năm	67.852.585.067	15.128.313.922	4.806.645.094	1.547.989.887	17.086.970.787	448.851.498	106.871.356.255
Khấu hao trong năm	3.535.842.901	488.022.348	119.170.056	84.897.272	2.374.102.145	97.833.882	6.699.868.604
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(5.792.224.908)	-	(5.792.224.908)
Số cuối năm	71.388.427.968	15.616.336.270	4.925.815.150	1.632.887.159	13.668.848.024	546.685.380	107.778.999.951
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số đầu năm	33.693.338.245	2.170.139.720	360.836.688	259.662.440	38.027.440.485	1.534.697.953	76.046.115.531
Số cuối năm	32.690.662.617	4.366.325.463	241.666.632	174.765.168	61.371.009.821	1.436.864.071	100.281.293.772

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.235.204.926 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 22.714.072.502 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 57.291.453.025 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 15.399.748.717 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cao su trồng năm 2013	-	5.954.588.788
Cao su trồng năm 2014	10.443.999.599	27.184.343.804
Cao su trồng năm 2015	20.108.642.651	18.922.630.067
Cao su trồng năm 2016	5.266.772.737	5.150.190.793
Cao su trồng năm 2018	3.497.134.341	3.104.688.093
Cao su trồng năm 2019	1.017.533.821	1.017.533.821
Khác	1.382.238.094	486.563.135
Cộng	41.716.321.243	61.820.538.501

9. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình theo hợp đồng góp vốn ngày 12/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản trên diện tích đất 614,44 ha tại các tiểu khu Hữu Nghị, Truyền Thống, Dũng Cầm, Sao Vàng có giá trị 81.840.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình được thành lập và hoạt động tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi. Tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021 tỷ lệ sở hữu của Công ty là 27,28%, tỷ lệ kiểm soát là 27,28%.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	378.823.471	465.920.165
Chi phí sửa chữa	1.289.445.446	744.644.156
Chi phí trả trước dài hạn khác	38.941.318	14.160.605
Cộng	1.707.210.235	1.224.724.926

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Quảng Bình	775.604.400	1.875.604.400
Chi nhánh Quảng Bình Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	2.661.334.400	2.661.334.400
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Hiệp Nghĩa	681.094.960	827.093.494
Phải trả nhà cung cấp khác	2.470.141.637	2.955.892.708
Cộng	6.588.175.397	8.319.925.002

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Long Phú	382.800.000	382.800.000
Hoàng Quang Sâm	881.958.700	-
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Trường Sinh	100.000.000	1.370.458.700
Người mua khác	113.254.130	688.511.130
Cộng	1.478.012.830	2.441.769.830

13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp /bù trừ trong năm VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	77.366.452	50.922.404	26.444.048
Phí, lệ phí và các khoản khác	1.980.756	-	1.980.756	-
Cộng	1.980.756	77.366.452	52.903.160	26.444.048
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	232.067.714	3.365.589.915	3.381.591.240	248.069.039
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.068.723.942	1.068.723.942	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	20.855.860	20.855.860	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	16.197.857	17.525.812	1.327.955
Cộng	232.067.714	4.475.367.574	4.492.696.854	249.396.994

14. Phải trả khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.574.249.047	1.855.133.735
Bảo hiểm xã hội	-	7.082.216.274
Bảo hiểm y tế	-	96.663.441
Bảo hiểm thất nghiệp	-	42.606.958
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.581.629.627	3.499.649.566
<u>Trong đó</u>		
- Phải nộp thanh tra tỉnh quảng bình	834.853.000	834.853.000
- Lãi chậm trả tiền hàng	2.514.592.802	2.307.818.932
- Phải trả khác	1.232.183.825	356.977.634
Cộng	6.165.878.674	12.586.269.974
b) Dài hạn		
Ký quỹ ký cược	292.000.000	292.000.000
Cộng	292.000.000	292.000.000

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (i)	23.889.580.317	23.889.580.317	34.550.841.358	33.525.046.092	22.863.785.051	22.863.785.051
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (ii)	15.006.346.980	15.006.346.980	23.182.825.153	24.647.122.619	16.470.644.446	16.470.644.446
Vay cá nhân (iii)	7.230.000.000	7.230.000.000	3.940.000.000	6.785.000.000	10.075.000.000	10.075.000.000
Cộng vay ngắn hạn	46.125.927.297	46.125.927.297	61.673.666.511	64.957.168.711	49.409.429.497	49.409.429.497
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem TM số V.16)	666.602.400	666.602.400			2.984.706.970	2.984.706.970
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	46.792.529.697	46.792.529.697			52.394.136.467	52.394.136.467
Trong đó: Số dư với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2 - Bên liên quan)	800.000.000	800.000.000			800.000.000	800.000.000

- (i) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng hạn mức số 807004465320/2011-HĐCVHM/NHCT470-VIETTRUNG ngày 06/04/2021, tổng dư nợ vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 25.000.000.000 đồng (hai mươi lăm tỷ đồng). Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là các vườn cây cao su trồng từ năm 1984 đến 2008, trụ sở công ty, tài sản gắn liền với đất của nhà máy chế biến cao su và tài sản gắn liền với đất của đội Thống Nhất, Xung Kịch, Chiến Thắng, Quyết Tiến.
- (ii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo hợp đồng hạn mức số 01/2021/525381/HĐTD ngày 23/11/2021, tổng dư nợ vay tối đa theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 16.500.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị và trụ sở nhà xưởng tính chế gỗ phủ quý
- (iii) Các khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng lãi suất từ 9%/năm đến 11,5%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, các khoản vay không có tài sản bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (i)	2.844.380.127	3.084.380.127	3.084.380.127	3.224.706.970	2.984.706.970	2.984.706.970
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Bình (ii)	732.917.500	-	732.917.500	-	-	-
Cộng Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.577.297.627	3.577.297.627	3.817.297.627	3.224.706.970	2.984.706.970	2.984.706.970
Phân loại sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(666.602.400)	(666.602.400)			(2.984.706.970)	(2.984.706.970)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	(440.000.000)	(440.000.000)			(2.984.706.970)	(2.984.706.970)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Bình	(226.602.400)	(226.602.400)			-	-
Cộng	2.910.695.227	2.910.695.227			-	-

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 800004607389/2021-HĐCVĐADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 2.955.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để đầu tư sửa chữa nâng cấp dây chuyền chế biến mù và trang bị máy nông nghiệp phục vụ cơ giới hóa ngành cao su, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đội Sao Vàng, Đoàn Kết, Chiến Thắng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 09/2021/525381/HĐTD ngày 08/10/2021, số tiền cam kết cho vay tối đa 963.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 56 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn không, lãi suất thả nổi, tại thời điểm giải ngân là 9,55%, mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị sản xuất gỗ, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo thỏa thuận được ký kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND
Trong vòng một năm	666.602.400	2.984.706.970
Từ hai đến năm thứ năm	2.910.695.227	-
Cộng	3.577.297.627	2.984.706.970
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	666.602.400	2.984.706.970
Số phải trả sau 12 tháng	2.910.695.227	-

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	170.817.912.550	-	(18.078.565.671)	152.739.346.879
Lãi trong năm	-	-	5.592.788.206	5.592.788.206
Tăng khác	-	-	17.138.451.483	17.138.451.483
Giảm khác	(2.550)	-	-	(2.550)
Số dư đầu năm nay	170.817.910.000	-	4.652.674.018	175.470.584.018
Lãi trong năm	-	-	24.160.946.725	24.160.946.725
Chia cổ tức (i)	-	-	(1.708.179.100)	(1.708.179.100)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	232.634.000	(232.634.000)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(6.711.860.918)	(6.711.860.918)
Số dư cuối năm nay	170.817.910.000	232.634.000	20.160.946.725	191.211.490.725

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2021 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển số tiền 232.634.000 đồng
- Chia cổ tức với tỷ lệ 100 đồng trên 1 Cổ phiếu tương ứng số tiền 1.708.179.100 đồng
- Trích bù đắp quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 2.711.860.918 đồng

Ngoài ra, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 31/12/2021 với số tiền 4 tỷ đồng.

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.024.695.976	36.932.447.074
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	51.024.695.976	36.932.447.074
Cộng	51.024.695.976	36.932.447.074

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	48.720.400.647	33.592.058.284
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(194.467.603)	187.653.986
Cộng	48.525.933.044	33.779.712.270

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	103.766.276	4.327.354
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	40.693.292.796	19.546.614.413
Cộng	40.797.059.072	19.550.941.767

(*) Khoản cổ tức được chia từ công ty liên kết theo quyết định số 0103/QĐ-HĐTV của Công ty TNHH chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình về việc phân chia lợi nhuận năm 2020 ngày 31 tháng 03 năm 2021.

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	4.130.794.373	4.271.150.583
Lãi chậm thanh toán tiền hàng	85.024.159	483.373.955
Cộng	4.215.818.532	4.754.524.538

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí mua ngoài	334.241.150	316.346.114
Chi phí bằng tiền khác	45.328.640	143.154.000
Cộng	379.569.790	459.500.114

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	7.664.845.944	6.916.365.066
Chi phí khấu hao	1.643.485.025	1.660.513.647
Chi phí trả trước	340.018.467	307.899.198
Thuế phí và lệ phí	261.545.611	398.518.723
Trích dự phòng phải thu khó đòi	3.436.795.257	679.882.558
Chi phí mua ngoài	947.567.958	1.334.670.076
Chi phí bằng tiền khác	1.763.258.558	1.697.594.817
Cộng	16.057.516.820	12.995.444.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền bồi hoàn độ phì của đất	1.126.912.759	1.620.030.863
Cho thuê nhà ở, văn phòng	273.500.000	192.050.000
Doanh thu bán cây ngắn ngày	435.000.000	-
Thu nhập khác	182.721.403	127.824.869
Cộng	2.018.134.162	1.939.905.732

8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	262.338.249	-
Phạt vi phạm hành chính	69.401.611	44.700.936
Chi phí trồng cây ngắn ngày	87.091.600	289.660.000
Lãi chậm nộp bảo hiểm	23.124.452	488.204.424
Các khoản khác	58.148.387	18.760.000
Cộng	500.104.299	841.325.360

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.160.946.725	5.592.788.206
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(40.600.766.733)	(19.013.709.053)
Các khoản điều chỉnh tăng	92.526.063	532.905.360
<i>Phạt chậm nộp thuế</i>	69.401.611	44.700.936
<i>Phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	23.124.452	488.204.424
Các khoản điều chỉnh giảm	(40.693.292.796)	(19.546.614.413)
<i>Cổ tức được chia</i>	(40.693.292.796)	(19.546.614.413)
Thu nhập chịu thuế	(16.439.820.008)	(13.420.920.847)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

10. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.160.946.725	5.592.788.206
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(4.000.000.000)	(2.711.860.918)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	20.160.946.725	2.880.927.288
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	17.081.791	17.081.791
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.180	169

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

10. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020, Công ty ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020. Do đó, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

	Năm 2020	Năm 2020
	trước điều chỉnh	sau điều chỉnh
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.592.788.206	5.592.788.206
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.711.860.918)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.592.788.206	2.880.927.288
Cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	17.081.791	17.081.791
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	327	169

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.850.625.734	10.950.112.629
Chi phí nhân công	34.811.672.662	27.271.799.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.699.868.604	5.818.243.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.660.958.180	3.606.801.078
Chi phí khác bằng tiền	1.808.587.198	1.840.748.816
Cộng	61.831.712.378	49.487.705.403

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Số tiền đi vay thực thu trong năm:	65.490.964.138 đồng
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	65.490.964.138 đồng
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:	68.181.875.681 đồng
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	68.181.875.681 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh cao su và Bộ phận kinh doanh gỗ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh cao su: Trồng, thu hoạch và sản xuất mủ cao su
- Bộ phận kinh doanh gỗ: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ.

Các thông tin bộ phận về lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán

	Hoạt động kinh doanh Cao su	Hoạt động kinh doanh Gỗ	Loại trừ	Tổng cộng
	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	13.905.582.651	12.180.671.062	-	26.086.253.713
Tài sản không phân bổ	-	-	240.093.851.708	240.093.851.708
Tổng tài sản	13.905.582.651	12.180.671.062	240.093.851.708	266.180.105.421
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	5.644.122.043	2.422.066.184	-	8.066.188.227
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	66.222.426.469	66.222.426.469
Tổng nợ phải trả	5.644.122.043	2.422.066.184	66.222.426.469	74.288.614.696
	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	8.387.927.029	12.227.939.148	-	20.615.866.177
Tài sản không phân bổ	-	-	234.188.419.231	234.188.419.231
Tổng tài sản	8.387.927.029	12.227.939.148	234.188.419.231	254.804.285.408
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	8.317.081.849	2.444.612.983	-	10.761.694.832
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	67.892.006.558	67.892.006.558
Tổng nợ phải trả	8.317.081.849	2.444.612.983	67.892.006.558	78.653.701.390

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Hoạt động kinh doanh Cao su	Hoạt động kinh doanh Gỗ	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	32.570.760.240	18.453.935.736	-	51.024.695.976
Tổng Doanh thu	32.570.760.240	18.453.935.736	-	51.024.695.976
Khấu hao và chi phí phân bổ	38.771.329.793	26.191.689.861	-	64.963.019.654
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(6.200.569.553)	(7.737.754.125)	-	(13.938.323.678)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.200.569.553)	(7.737.754.125)	-	(13.938.323.678)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	40.797.059.072
Lãi (lỗ) khác				1.518.029.863
Chi phí tài chính				(4.215.818.532)
Lợi nhuận trước thuế				24.160.946.725
Chi phí thuế TNDN				-
Lợi nhuận trong năm				24.160.946.725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Hoạt động kinh doanh Cao su VND	Hoạt động kinh doanh Gỗ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	21.615.675.420	15.316.771.654	-	36.932.447.074
Tổng Doanh thu	21.615.675.420	15.316.771.654	-	36.932.447.074
Khấu hao và chi phí phân bổ	26.989.826.527	20.244.829.942	-	47.234.656.469
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(5.374.151.107)	(4.928.058.288)	-	(10.302.209.395)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.374.151.107)	(4.928.058.288)	-	(10.302.209.395)
Doanh thu từ các khoản đầu tư Lãi (lỗ) khác	-	-	-	19.550.941.767 1.098.580.372
Chi phí tài chính				(4.754.524.538)
Lợi nhuận trước thuế				5.592.788.206
Chi phí thuế TNDN				-
Lợi nhuận trong năm				5.592.788.206

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

2. Bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình
 Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Lãnh đạo chủ chốt

Các giao dịch với các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	2.253.358.000	27.045.000
Cổ tức		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	40.693.292.796	19.546.614.413

Số dư với các bên liên quan

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ thuê tài chính		
Ông Dương Chí Bình	800.000.000	800.000.000
Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	14.086.973.398	5.456.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Phan Văn Thành	342.000.000	309.957.600
Ông Dương Chí Bình	303.600.000	263.495.760
Ông Phạm Xuân Thành	274.440.000	248.553.600
Ông Nguyễn Hải Thanh	274.440.000	248.553.600
Ông Phan Hữu Bằng	274.440.000	159.759.840
Ông Lê Vũ Thành	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải	12.000.000	12.000.000
Bà Hoàng Thị Thu Hương	274.440.000	248.553.600
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dương	8.400.000	8.400.000
Ông Trần Duy Hà	8.400.000	4.200.000
Ông Nguyễn Đức Hồng	-	4.200.000
Cộng	1.784.160.000	1.519.674.000

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.




Phan Hữu Bằng
Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng




Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 22 tháng 03 năm 2022